

TRY!

Kỳ thi năng lực Nhật ngữ

Japanese Language Proficiency Test

N2

Phát triển các kỹ năng tiếng Nhật từ ngữ pháp

Hiệp hội văn hóa sinh viên Châu Á ABK

Phiên bản tiếng Việt

Đã đến được
tận đây rồi!!
Cố lên nào!



NGỮ
PHÁP

Hiểu rõ cách sử dụng
Nắm vững thông qua Nghe - Đọc

Đính kèm tiếng Việt

* Tài miễn phí “Danh sách từ vựng” (kèm bản dịch) trên website!



Mã QR Code



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

TRY!

Kỳ thi năng lực Nhật ngữ

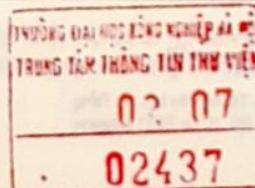
Japanese Language Proficiency Test

N2

Phát triển các kỹ năng tiếng Nhật từ ngữ pháp

Hiệp hội văn hóa sinh viên Châu Á ABK

Phiên bản tiếng Việt



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

はじめに

Lời nói đầu

この本は、日本語能力試験のN2に対応した文法の問題集で、ABK（公益財団法人 アジア学生文化協会）の30年の日本語教育の経験を生かして、学内で使いながら作られたものです。日本語を勉強している皆さん、文法をきちんと整理して、日本語が上手に使えるようになることを願って作りました。

文法は「聞く・話す・読む・書く」の基礎になるものです。この本では次のプロセスで勉強が進められるように工夫しました。

- 実際にその文法がどのように使われているかを知る。
- 基本的な練習で使い慣れる。
- まとめの問題で話を聞いたり日本語の文章を読んだりする運用練習をする。

まとめの問題は日本語能力試験の出題形式に合わせてありますので、試験を受ける皆さん、この本1冊で文法対策と読解、聴解の試験の練習ができるようになっています。

「TRY!」という名前には、気軽にやってみようという意味と、ラグビーのトライのようにがんばったことが得点につながるという意味を込めました。皆さんこの本で勉強して、日本語能力試験N2に合格し、さらに日本語を使って楽しく自己表現ができるようになりますよう、お祈りしています。

このシリーズはN5～N1まで、各レベルに合わせて5冊の本があります。この本が終わったら、ぜひN1レベルに進んで、レベルアップを目指してください。

Quyển sách này là quyển sách luyện tập ngữ pháp tương ứng với trình độ N2 của Kỳ thi năng lực tiếng Nhật, được hiệp hội ABK (Hiệp hội văn hóa sinh viên Châu Á) với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Nhật biên soạn dựa trên những tư liệu giảng dạy thực tế tại trường. Chúng tôi biên soạn ra cuốn sách này với mong muốn giúp các bạn học tiếng Nhật hệ thống lại các điểm ngữ pháp, lý giải và có thể sử dụng tiếng Nhật thành thạo hơn.

Ngữ pháp là nền tảng căn bản của "Nghe - Nói - Đọc - Viết". Chúng tôi đã nghiên cứu từ nhiều góc độ để có thể giới thiệu đến các bạn trình tự học giáo trình này như sau:

- Biết được ngữ pháp trong giao tiếp thực tế được sử dụng như thế nào.
- Sử dụng thành thạo các mẫu ngữ pháp nhờ các bài luyện tập cơ bản.
- Luyện tập ứng dụng bằng cách nghe các câu chuyện, đọc các đoạn văn tiếng Nhật trong phần bài tập tổng hợp.

Phần bài tập tổng hợp được biên soạn theo hình thức đề thi năng lực tiếng Nhật, vì thế chỉ với một cuốn giáo trình này các học viên đang luyện thi có thể luyện tập ngữ pháp, đọc hiểu, nghe.

Chúng tôi đặt tựa đề cuốn sách là "TRY" với ý nghĩa hãy THỬ học tiếng Nhật một cách thoải mái và cả ý nghĩa cố gắng sẽ lấy được điểm giống như điểm TRY trong môn bóng bầu dục. Chúng tôi mong muốn các bạn học giáo trình này sẽ thi đỗ N2 trong Kỳ thi năng lực tiếng Nhật, và hơn thế nữa, các bạn có thể sử dụng tiếng Nhật để diễn đạt điều mình muốn nói một cách tự nhiên.

Bộ sách này gồm có 5 quyển tương ứng với từng cấp độ từ N5 đến N1. Sau khi học xong cuốn sách này, các bạn hãy tiếp tục học cuốn tiếp theo với mục đích nâng cao năng lực tiếng Nhật của mình.

2013年11月 著者一同

Tháng 11 năm 2013, nhóm tác giả

この本をお使いになる皆さんへ

Gửi đến các bạn sử dụng giáo trình này

この本は、本冊、別冊「答え・スクリプト」とQR CODEがあります。

Cuốn sách này gồm có phần sách học, tập "đáp án, nội dung bài nghe" đính kèm và 1 mã QR code để tải phần âm thanh

1. 本冊 Phần sách học

全部で14章に分かれており、それぞれ次のような構成になっています。

Cuốn sách này được chia thành 14 bài. Từng bài có cấu trúc bài học như sau.

各章の構成 Cấu trúc các bài học

1) できること Nhữnng nội dung có thể đạt được

その章を学習すると、何ができるようになるかが書いてあります。

Trình bày những gì bạn có thể làm được khi học bài đó.

2) 見本文 Câu văn mẫu

その章で勉強する文法項目が、実際にどのように使われているかわかるような文章になっています。1つの章が(1)(2)に分かれている場合、(1)(2)の見本文はストーリーがつながっています。勉強する文法項目は、すぐわかるように太字で書いてあります。

Là những câu văn giúp người học hiểu được những mẫu ngữ pháp sẽ học trong bài được sử dụng như thế nào trong thực tế. Trường hợp một bài học được chia thành hai phần (1) và (2), thì những câu văn mẫu trong phần (1) và (2) là câu chuyện nối tiếp nhau. Những điểm ngữ pháp sẽ học được viết bằng chữ in đậm để người học có thể hiểu ngay được.

3) 文法項目 Các mẫu ngữ pháp

その章で勉強する項目を順番に並べてあります。探すときに便利なように、1章から14章まで通し番号になっています。それの中には、使い方、接続、例文、補足説明、練習問題などがあります（くわしい内容は☞ p.6）。

Những mẫu ngữ pháp sẽ học trong từng bài được sắp xếp theo thứ tự. Để tiện cho việc tìm kiếm, chúng tôi đánh số thứ tự liên tiếp từ bài 1 đến bài 14. Trong từng mẫu ngữ pháp sẽ có cách sử dụng, cách nối câu, ví dụ, giải thích bổ sung và bài tập luyện tập (nội dung chi tiết xem trang 6).

4) Check Kiểm tra

各章の(1)の最後と(2)の最後に、簡単な練習問題があります。ここで、学習した文法項目がわかるかどうかチェックします。間違えたら、その項目のところに戻ってもう一度確認しましょう。

Cuối phần (1) và (2) mỗi chương sẽ có những bài luyện tập đơn giản. Chúng ta có thể kiểm tra lại xem đã hiểu những mẫu ngữ pháp học trong bài hay chưa. Nếu làm sai, chúng ta hãy quay lại phần ngữ pháp đó và xem lại một lần nữa.

5) まとめの問題 Bài tập tổng hợp

その章で勉強した文法を中心にした、文法、読解、聴解の問題です。日本語能力試験の出題形式に合わせた形になっていますから、文法項目の再確認をしながら、試験対策ができます。

Đây là những bài tập ngữ pháp, đọc hiểu, nghe với trọng tâm là những mẫu ngữ pháp đã học ở bài đó. Bài tập tổng hợp được trình bày theo hình thức của đề thi trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật nên các bạn có thể vừa xác nhận lại các mẫu ngữ pháp vừa có thể luyện thi được.

2. 別冊 Tập đính kèm

- 「やってみよう！」「Check」の答え

Đáp án của phần "Hãy làm thử!", "Check"

- 「まとめの問題」の答え・スクリプト

Đáp án và nội dung bài nghe của phần "Bài tập tổng hợp"

3. QR CODE

「見本文」と、「まとめの問題」の聴解問題の音声

Dữ liệu âm thanh của "Câu văn mẫu", và những bài tập nghe trong "Bài tập tổng hợp".

※本書の音声はPC、スマートフォンでもダウンロードできます。

Dữ liệu âm thanh của cuốn sách này có thể tải xuống máy tính hoặc điện thoại thông minh.

くわしくは下記HPへ。

Chi tiết xin tham khảo trên trang web

<http://www.ask-support.com/japanese>

4. 公式サイト Trang web chính thức

<http://www.ask-books.com/jlpt-try/>

本冊で使われている言葉の「語彙リスト」があります。語彙リストには、ベトナム語の訳がついています。ダウンロードして使ってください。

Có "Danh sách từ vựng" của các từ vựng được sử dụng trong phần sách học. Danh sách từ vựng có dịch ra tiếng Việt. Bạn hãy tải về để sử dụng.

文法項目の中にあるもの

(Nội dung trình bày trong các mẫu ngữ pháp)

★★★

文法項目の右端に、★のマークがあります。★が多いほど、重要な項目という意味です。★は理解できればいい項目なので、基本的に練習問題はありません。まとめの問題にも入っていないものがあります。

Phía bên bìa phải các mẫu ngữ pháp có đánh dấu ★. Dấu ★ càng nhiều có nghĩa là mẫu ngữ pháp đó quan trọng. Với những mẫu ngữ pháp được đánh dấu 1 ngôi sao ★, thì chỉ cần hiểu là được, cho nên về cơ bản sẽ không có bài luyện tập. Có trường hợp mẫu ngữ pháp đó cũng không xuất hiện trong phần bài tập tổng hợp.

使う場面のマーク Các kí hiệu về ngữ cảnh sử dụng



友達や家族など、身近な人とおしゃべりをするときに使われる表現です。

Là cách diễn đạt được sử dụng khi trò chuyện với những người xung quanh mình như bạn bè và gia đình.



友達や家族とおしゃべりをするときには使われない、硬い表現です。

Là cách diễn đạt trang trọng, không sử dụng khi trò chuyện với bạn bè và gia đình.



目上の人や初対面の人に対して話すとき、または店員が客に向かって話すときの表現です。

Là cách diễn đạt được sử dụng khi nói chuyện với người trên mình, người mới gặp lần đầu, hoặc nhân viên cửa hàng nói với khách hàng.



後悔や残念な気持ちを表したり、相手を批判したりするときに使われる表現です。

Là cách diễn đạt để biểu thị tâm trạng hối tiếc, tiếc nuối hoặc được sử dụng khi chỉ trích đối phương.



対象を高く評価したり、一般的に評価が高いことを認めたりするときに使われる表現です。

Là cách diễn đạt được sử dụng khi đánh giá cao đối tượng hoặc công nhận một việc nào đó nhìn chung là được đánh giá cao.

どう使う？

1. 使い方の説明 Giải thích cách sử dụng

どんなことを言いたいときに使うか、どんな気持ちで使うかが書いてあります。ペトナム語の翻訳もついています。

Trình bày mẫu ngữ pháp này sử dụng khi muốn nói đến điều gì hay sử dụng với tâm trạng như thế nào. Có kèm theo phần dịch tiếng Việt.

2. 接続の説明 Giải thích cách nối câu

どんな品詞のどんな形のものと一緒に使われるか、記号を使って示しました。

例：(N) + で

接続については使用頻度を考慮して、あまり使われていない形は載せていません。
特別な言葉や表現の表もあります。

*は、接続で気をつけることです。

Dùng kí hiệu để hiển thị cấu trúc ngữ pháp đó sẽ được sử dụng cùng với từ loại nào và được chia ở hình thức nào. Ví dụ: (N) + で

Liên quan đến vấn đề nối từ, câu, chúng tôi cân nhắc mức độ sử dụng và sẽ không đưa vào bài học những hình thức không được sử dụng nhiều.

Có bảng trình bày các cách diễn đạt và từ vựng đặc biệt.

Dấu * là những lưu ý khi nối câu.

3. 例文 Câu ví dụ

①②のように番号がついています。例文は日常生活でよく使われるものを選びました。
理解の助けになるように一部イラストをつけました。また、Ⓐのマークは、慣用的に使われる表現を表します。

Câu ví dụ được đánh số như ①, ②. Câu ví dụ được lựa chọn từ những câu thường được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. Để các bạn dễ hiểu, một vài chỗ chúng tôi có kèm theo hình minh họa. Ngoài ra, kí hiệu Ⓐ hiển thị cách diễn đạt được sử dụng như thành ngữ.

やってみよう！ Hãy làm thử!

その文法項目を確認するための練習問題です。「どう使う？」と例文で勉強したことができるかどうか、実際に問題に答える形でチェックしてみてください。

Là những bài luyện tập để xác nhận lại mẫu ngữ pháp đó. Hãy kiểm tra lại bằng cách trả lời các câu hỏi thực tế xem mình có làm được những mẫu đã học ở "Sử dụng như thế nào" và câu ví dụ hay không.



ほかの言葉との使い方の違いや・追加で説明が必要なことなどが書いてあります。練習が必要なものは「やってみよう！」がついています。

Phần này trình bày nội dung như sự khác nhau của cách sử dụng mẫu này với những từ ngữ khác hoặc cần thiết phải giải thích thêm. Với những mẫu cần phải luyện tập thêm thì sẽ kèm theo phần "Hãy làm thử!"

Plus

違う言葉で、同じような意味で使われるものが書いてあります。練習が必要なものは「やってみよう！」がついています。

Phần này trình bày những từ ngữ khác nhau nhưng được sử dụng cùng một ý nghĩa. Nếu cần phải luyện tập thêm thì sẽ kèm theo phần "Hãy làm thử!"



その文法項目と似た項目があるときは、参照ページが書いてあります。

Kí hiệu này được sử dụng để chỉ dẫn đến mẫu ngữ pháp liên quan, được đánh số của mẫu ngữ pháp liên quan.

品詞と活用形のマーク (Từ loại và ký hiệu chia thì, thẻ của từ loại)

1) 品詞 Từ loại

名詞	Danh từ	N	えんぴつ、日本語、病気
い形容詞	Tính từ i	いA	大きい、小さい、おいしい
な形容詞	Tính từ na	なA	元気、便利、静か
動詞	Động từ	V	行く、食べる、勉強する

2) 動詞の活用形 Hình thức chia của động từ

ます形	Thể ます	V- ます	行きます
辞書形	Thể từ điển	V- る	行く
て形	Thể te	V- て	行って
た形	Thể ta	V- た	行った
ない形	Thể nai	V- ない	行かない
動詞の普通形		V-PI	行く・行かない・行った・行かなかった
Thể thông thường của động từ			
可能形	Thể khả năng	V- できる	行ける
受身形	Thể bị động	V- られる	行かれる
使役形	Thể sai khiến	V- させる	行かせる
意向形	Thể ý chí	V- よう	行こう
条件形	Thể điều kiện	V- ば	行けば

3) 普通形・ていねい形 Thể thông thường- Thể lịch sự

普通形 Thể thông thường PI

動詞 Động từ	行く 行かない 行った 行かなかった	い形容詞 Tính từ i	大きい 大きくなかった 大きかった 大きくなかった
な形容詞 Tính từ na	元気だ 元気じゃない／元気ではない 元気だった 元気じゃなかった ／元気ではなかった	名詞 Danh từ	病気だ 病気じゃない／病気ではない 病気だった 病気じゃなかった ／病気ではなかった

動詞 Động từ	行きます 行きません 行きました 行きませんでした	い形容詞 Tính từ i	大きいです 大きくないです ／大きくありません 大きかったです 大きくなかったです ／大きくありませんでした
な形容詞 Tính từ na	元気です 元気じゃないです* ／元気じゃありません* 元気でした 元気じゃなかったです* ／元気じゃありませんでした*	名詞 Danh từ	病気です 病気じゃないです* ／病気じゃありません* 病気でした 病気じゃなかったです* ／病気じゃありませんでした*

〈接続の示し方〉 Cách hiển thị kết nối

それぞれの文法項目は、次のように表します。

Từng mẫu ngữ pháp được hiển thị như sau.

例)

V-て + ください	食べてください	
V-ます + たい	会いたい	
V-ない + ないでください	行かないでください	
いAなく	大きく	
なAな	しづかな	
なAなに	しづかに	
PI + んです [なAだな Nだな]	行くんです 行ったんです 大きいんです 大きかったんです 元気なんです 元気だったんです 病気なんです 病気だったんです	行かないんです 行かなかつたんです 大きくないです 大きくなかったんです 元気じゃないんです* 元気じゃなかつたんです* 病気じゃないんです* 病気じゃなかつたんです*
PI + ら [過去形だけ] Chỉ kết hợp với thì quá khứ	行ったら 大きかったら 元気だったら 病気だったら	行かなかつたら 大きくなかったら 元気じゃなかつたら* 病気じゃなかつたら*

*な形容詞・名詞の「じゃ」は、論文などを書くときは「では」が使われる。

この本をお使いになる先生方へ

この本をお使いください、ありがとうございます。本書の目指すところは、日常生活の様々な場面で、具体的に日本語がどのように使われているかを目で見て、感じて、それを踏まえて文法を学ぶことです。それによって、会話やスピーチ、読解の中で使われている文法項目に自然になじみ、日本語能力試験への対応も、スムーズに進むと思います。さらに発話や作文などの自己表現にも応用できるようになると信じています。

近年、インターネットの普及に伴って、海外の学習者も生の日本語に直に触れる機会が増え、自然な日本語の習得に一役買っていることは確かです。運用を重視するという日本語教育の流れの中で、文法の位置づけも変わってきているように思います。

しかし、基礎の枠組みとしての文法をきちんと把握することは、日本語の運用にとって非常に重要です。また、相手との位置関係、使用場面にふさわしい日本語を意識することもとても大切だと考えます。

以上の点から、本書の見本文では下の表のような多様なタイプの設定をしました。その中でも語彙については生活上汎用性のあるもの、使用頻度の高いものを使うようにしています。

章	タイトル	見本文のタイプ
1	スタッフ募集のお知らせ	お知らせを読む
2	転任のあいさつ	スピーチをする
3	ホテルの仕事	説明を聞く
4	台風情報	ニュースを聞く
5	就職活動	友達同士の会話
6	苦労した5年間	友達同士の会話
7	オオカミと生態系	論説文を読む
8	取引先で	ビジネス場面の会話
9	食べ放題	友達同士の会話
10	満員電車	エッセーを読む
11	ラーメンの紹介	記事を読む
12	ウォーキングシューズの開発	ビジネス場面の会話
13	人生の転機	ストーリーを読む
14	オリンピック	社説を読む

本校での実践の中でも見本文の効果は大きく、ことさら説明をしなくとも、イメージで感じ取ってもらえると言われています。本書を使ってご指導される先生方にも、ぜひ学習者の方とともに見本文のストーリーを感じていただきたく存じます。

本書につきまして、何かご意見などございましたら、どうぞお寄せくださいますよう、お願い申し上げます。

もくじ

Mục lục

はじめに	Lời nói đầu	3
この本をお使いになる皆さんへ	Gửi đến các bạn sử dụng giáo trình này	4
この本をお使いになる先生方へ		10

お知らせを読む Đọc thông báo

1 スタッフ募集のお知らせ Thông báo tuyển nhân viên

1 オープンにつき	19
2 国籍を問わず	19
3 N2 レベル以上の方に限り	20
4 経験年数に応じ	21
5 採否にかかわらず	22
6 当店において	23
7 面接の際に + Plus ~に際して	24
8 履歴書持参のこと	25
まとめの問題	27

スピーチをする Phát biểu

2 転任のあいさつ (1) Chào hỏi khi chuyển công tác (1)

9 入社して以来	30
10 部長をはじめ	31
11 先輩方のご指導のもとで	32
12 仕事の進め方はもとより	33
13 人は失敗から学ぶものだ	34
14 仕事をする上で	34
15 残念ながら	35

スピーチをする Phát biểu

2 転任のあいさつ (2) Chào hỏi khi chuyển công tác (2)

16 輸出拡大を目的としたプロジェクト	38
17 この転勤をきっかけに + Plus 契機	39
18 やるからには + Plus ~以上は	
19 やるからには + Plus ~上は	
19 なくなるというわけではありません	40
20 これまでと変わることなく	42
21 雨にもかかわらず	43
まとめの問題	44

説明を聞く Nghe giải thích

3 ホテルの仕事 Công việc trong khách sạn

50

22 スタッフとしての心構え こころがま	51
23 仕事を続ける限り かぎ	51
24 対応せざるを得ない ありま	53
25 謝ればいいというものではありません せいとう	53
26 正当なものかどうかはともかくとして しんらい うしな	54
27 信頼を失いかねません しんらい	55
28 お客様というより お客様	56
29 安心してはいられません 安心して	57
まとめの問題	59

ニュースを聞く Nghe tin tức

4 台風情報 Thông tin bão

62

30 速度を速めつつ そくど	63
31 広範囲にわたって こうはんい	63
32 九州沿岸から四国にかけて きゅうしゅうえんがん しこく	64
33 台風の接近にともない たいふう せっきん	65
34 雨が降るおそれがあります きょうふう	66
35 強風とともに ちょうふう	66
36 中継がつながり次第 ちゅうけい しだい	67

まとめの問題

69

友達同士の会話 Hội thoại giữa bạn bè

5 就職活動 (1) Hoạt động tìm việc (1)

72

37 京都に行ったきり きょうと	72
38 旅行どころじゃない じゅうりょう	74
39 情報は集めているものの じょうほう	74
40 困ったことに ぎょうかい	75
41 人気の業界にしては ぎょうわい	76
42 何回書いたことか なんかい	77

友達同士の会話 Hội thoại giữa bạn bè

5 就職活動 (2) Hoạt động tìm việc (2)

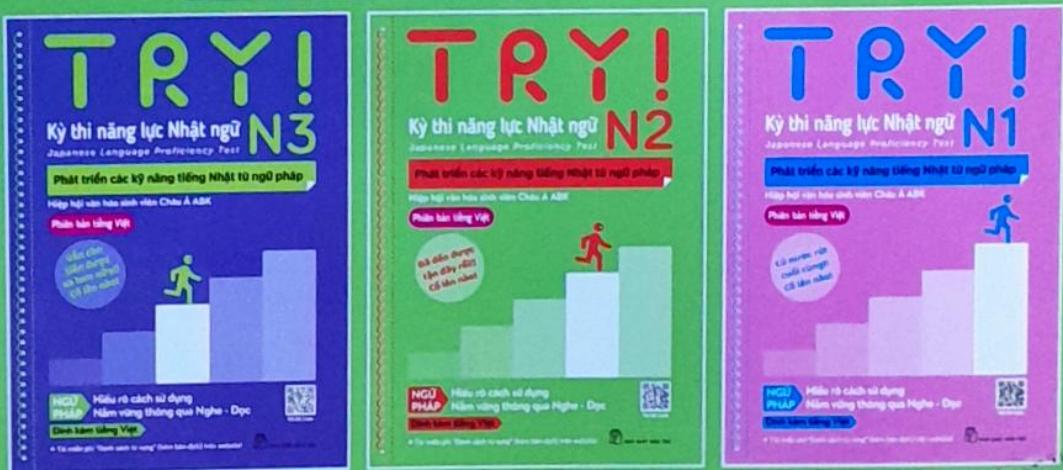
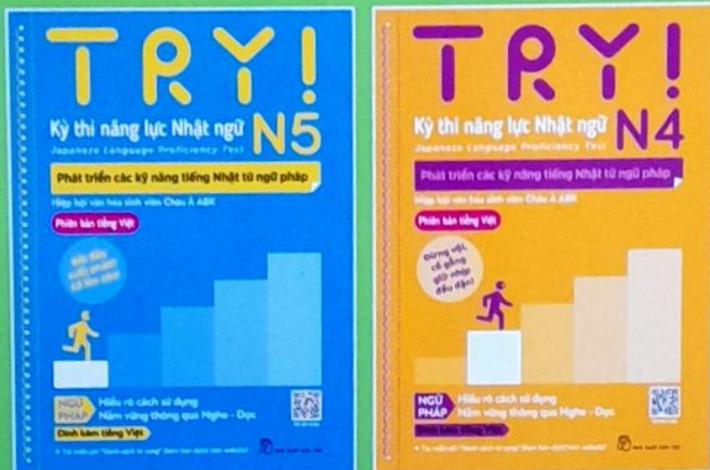
78

43 やる気さえあれば やる気	78
44 がんばりようがない くろう	79
45 苦労したあげく くろう	80
46 そんなこと考えるもんじゃない もんじやない	81
47 出すだけ出してみる だまつ	81

まとめの問題

83

TRY!



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN THÔNG TIN



Mã sách: 020702437



ISBN 978-604-1-172173
9 786041 172173

Try kỹ thi năng lực nhật ngữ N2

8 934974 171355

Giá: 120.000 đ

